

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 8

Trí tuệ thanh tịnh, ngã mạn không còn. Bạt lãnh giúp sức, dứt mọi điên đảo. Thắng nghĩa căn bản (là) đức hạnh tăng trưởng. Pháp tịnh gắng theo, tịch tĩnh tốt bậc. Năng dứt dục, tham, an trụ tinh xá. Chi phần điên đảo, ý lìa nhiễm, buộc, vọng tưởng. Diệu lý tịch tịnh, hằng mong chứng đắc, an trụ tĩnh lặng, thâm tâm như như. Đức hạnh thắng nghĩa, chân thật dứt tranh. Trí tuệ thiện tịnh, biến chuyển tự tại. Tự tánh như thị, vượt mọi phân biệt. Trí tuệ thắng nghĩa tùy thuận, khẩu hòa. Diệu lý tịch tĩnh, đức hạnh ung dung. Xa lìa nơi chốn (là) nhân của bệnh hoạn. Tịnh diệu mong cầu (là) nhằm đạt) ngọn nguồn không nhiễm, phiền não tự dừng, tịch tĩnh thuận hợp. Trí căn bản ấy tự thân chứng đắc. Chúng sinh vô biên, hóa độ tất cả. Điều phục thắng nghĩa, dứt thân khổ não. (Cùng với) nghiệp dữ, vọng tưởng, phiền não trói buộc. Đạt trí thanh tịnh, dứt mọi tạo tác. Tận cùng phiền não (là) xứ của tự tại. Thế gian biến hoại (là) hình tướng (của) tịch mặc. Phiền não buộc thế, khiến sắc uẩn sinh. Si, độn trói che, không nhân tự diệt. Cội rễ ngã mạn, phiền não, kiêu căng, phóng túng, mong đạt hằng tịnh, hạnh ấy viên mãn.

Chánh pháp tùy thuận, nâng niu tịch tĩnh, ác nhiễm không buộc. Chân thật sinh khởi, đạo đức chư Thiên. Mong cầu lìa mọi gốc rễ phiền não. Đức hạnh chúng thiện (là) khẩu hòa thắng nghĩa. Dòng thác cuộn cuộn, hóa độ không cùng. Chúng “Cận sự nam” căn lãnh phát sinh. Các pháp giải thoát, tu tập tự tại. Lìa vọng, gấn bó, hành giải gồm đủ.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi.

Thắng nghĩa phát sinh, lìa tham sân si. Dứt điên đảo, nhiễm. Lãnh hội đúng đắn mười hai phần pháp. Phần không (do) thể sinh. Buông theo vọng, nhiễm. (Nên lại) mong đạt tánh (bị) buộc. Đó là thấu đạt ý nghĩa tùy thuận của bậc Bồ-tát.

Hàng đại hữu tình hành động thích hợp. Đại Bà-la-môn tộc họ đức hạnh. Tịch tĩnh hiện bày. Đức hạnh của vua hợp Tự tại thiên. Tuệ giác đích thực, thế gian chẳng có. Hình tướng uy nghiêm, danh xưng tôn kính, đạo nghiệp tu hành. Bồ thí tịnh diệu, đức độ thấu đạt. Tự tại ung dung. Trong lặng diệu dụng.

Gốc nghiệp dữ ấy thật là đáng sợ. Hành, giải gồm đủ, trừ diệt các nhiễm. Trí tuệ như (vật) phá bỏ nhiễm tranh. Gốc rễ đích thực (của) sức buộc (là) ngã kiến. (Ngã kiến ấy) tạo tác trọn đủ (cả) thiện tịnh, nhiễm buộc. Tự tánh chế ngự (chấp nhiễm) pháp lành tăng trưởng. (Đó là) tuệ trong biệt cảnh, tướng của biến hành, an trụ nơi chúng sinh. Giáo pháp tịch tĩnh, tạo tác khéo hợp. (Như) các bậc Thượng tọa, A-xà-lê mẫu mực. Đại thừa pháp khởi. Đúng nghĩa cứu cánh. Bồ thí ái lạc. Cõi tánh thanh tịnh. Không còn tranh nhiễm. Trừ diệt phiền não, si độn (của loài) hữu tình. Thấu đạt tịch tĩnh, thắng nghĩa viên mãn. Hình tướng thượng diệu. Xa lìa trói buộc, quyết trừ độc hại. Tịch tĩnh căn bản, hóa độ, gánh vác. Đắm theo tham dục, hạnh của trói buộc. (Mọi) hình tướng biến động, tạng thức thâm chứa. (Tạng thức ấy) tạp nhiễm chỗ nương, chẳng thể hủy hoại. Thân xác, tự tánh, sắc tướng... nương tựa. Là cội Bồ-tát diệu dụng tùy thuận. Giáo pháp tinh diệu (truyền dạy khắp) thành, ấp, xóm làng. Chúng sinh đúng là vật dụng (khéo) hòa hợp. Dẫn dắt các loài hữu tình quy thiện; nương tựa, chi phối, tu pháp Thập thiện. Cõi ý thanh tịnh, sạch bóng tham dục. Ba thừa hóa

độ, mong đạt an trụ. Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa (thích hợp với) ba chủng loại tánh. Tận cùng sắc tướng (là) xứ sở tịch tĩnh. Dẫn dắt muôn loài, nguyện đạt “tịch mặc”. Giáo pháp thanh tịnh, thông tỏ “tướng thông”. Vi diệu tịch tĩnh (các) chủng loại gồm đủ. Thánh quả Ba thừa, ngọn nguồn mong đạt. Dứt bỏ chế ngự (đạt tới) thanh tịnh an trụ. Góc rẽ tịch tĩnh (là) Thập thiện tịnh diệu. Mong đạt tột bậc (là) thắng hạnh ung dung. Cõi ý định nghiêm, người người dứt ác, phiền não chẳng sinh, ung dung, tĩnh lặng. Dẫn dạy gắng sức, dốc đạt tịch tĩnh. Vọng hành không dấy, vi diệu hiện theo. Tấn tu ái lạc, xa lìa khổ đau. Nhân thắng không giảm, lực dụng tự tại. Phạm hạnh rộng khắp, trí diệu thanh tịnh. Góc quả “vô học”. Ba loại ngã mạn tăng trưởng, chuyển biến. (Ngã mạn ấy) che phủ khắp chốn, chẳng còn tự tại. Bồ-tát ở nơi thế giới hữu tình, chuyên tu hạnh xả. Ngã mạn dứt bỏ, nơi chốn tùy thuận. Thành ấp xóm làng xây sửa, đổi thay; ăn uống thích hợp, đủ về an lành, vô cùng trang nghiêm. Dứt bỏ, không còn dòng thác phiền não. Nghiệp nhân không nhiễm, che chở, hòa hợp. Tu theo thắng hạnh, trong lành như trăng. Tâm kia vô tận, dũng mãnh, vững chắc. Thiện diệu tôn sùng, giữ gìn trọn đủ. Thiên định tịch tĩnh (là) cõi vật (dùng của) các loài. Rời nhiễm, buộc che, xa lìa tai nạn. Lực dụng thật ấy (là) hình tướng căn bản. Điều khó (làm) hiện rõ, (chính là) diệu hạnh thù thắng. Trong sáng tươi đẹp, phước báo cõi trời. Ở cõi vương giả tịch nhiên an trụ. Là chốn vua ấy, mọi mối lo âu, sầu não đều vắng. An vui tăng thêm, chế ngự hý luận. Dòng giống, tướng mạo uy đẹp ít có. Nơi chốn tận cùng (là sự) thành tựu tột bậc. Tranh biện, hủy báng thấy đều dứt hết. Căn bản dốc tu (là nhằm đạt) tự tánh thiện diệu. Thắng nghĩa tăng trưởng, an lạc trọn thành. Làng xóm sung túc, đất nước đẹp giàu. Góc từ nơi tâm.

Hãm hở tạo tác, đích thực (là) trói buộc. Thuận hợp tận cùng (là) hình tướng an trụ. Tự tánh thực hữu (là) tịch tĩnh viên mãn. Phụng trì chánh pháp, tán thán công đức (ấy). Cõi ý thuận hợp, rõ nghĩa trong lặng. Tăng trưởng si, mạn, chur Thiên xa lánh, là xứ quốc vương như hạnh Bồ-tát. Ba nghiệp dốc tu, bình đẳng giúp khắp. (Ba nghiệp) tạo phiền não, chướng, (cũng tạo) trí tuệ thanh tịnh. Giảng dạy Thập thiện, dứt tướng đảo điên. Nhân của ngã mạn, hướng cầu dứt bỏ. Hạnh (bậc) A-xà-lê thanh tịnh, nghiêm túc. Thế gian càng nhiều tranh biện, hý luận, càng thêm thấu đạt tự tánh tịch tĩnh. Chúng Thiên cõi tĩnh, sân phần đã dùng. Hai cõi Sắc, Vô sắc, sân hận dứt tuyệt, (nhưng) vẫn còn các pháp phiền não tạo buộc. Tuệ giác tự tánh, diệu dụng sung mãn. (Lực dụng ấy) lực nhỏ quán sự, quán lý mới thấu. Như lời Phật dạy: Tận cùng của tham, đến cõi Phi tướng Phi phi tướng xứ hãy còn. Phải nhờ tuệ giác soi tỏ (mới có thể) lìa bỏ, tham, si, mạn, kiến, đạo phẩm thứ chín, hướng quả mới đoạn, thành tâm (của các bậc) vô học. Vương giả xa lìa (tham, si...).

Bồ-tát phát sinh trí tuệ lực dụng. Ứng hiện tự tại, lìa mọi trói buộc. Hủy hoại hết mực (chính là) chướng nhiễm tận cùng. Đúng lúc thế gian xuất hiện bậc Đại trượng phu. Như bậc mẹ hiền yêu thương đàn con. Nhân của chân thật: sắc tướng thanh tịnh, căn bản hòa thuận, điều phục đúng pháp. Hạnh tu viên mãn, không chướng, nhiễm, mạn. Điên đảo dứt sạch, đạt chánh giải thoát. Hành, giải thích ứng, mọi vọng xa lìa. Thể tánh hữu tình tịch tĩnh, hòa hợp. Thắng nghĩa thanh tịnh (là) dứt bỏ ưu não. Căn trần thanh tịnh hòa hợp ngoại cảnh. Chân thật thuận hợp (là) nơi chốn trong lặng. Chúng sinh (được) giải thoát, trí tuệ vô biên. Như hạng nữ nhân, si độn cũng dứt. Bồ-tát chỉ dạy mọi nghiệp dữ (đều) chuyển. (Ví như) vương giả uy lớn, giáo lệnh tăng thêm. Hình tướng tạo tác như trời trùm khắp. Ở chỗ nhân nhả, sai khiến khắp nơi. Chuyên, trao, truyền, nhận, đạt tướng hòa hợp. Xa lìa nhiễm, chướng là chốn quốc vương đùm bọc muôn dân. Trí lực gồm đủ, chỉ dạy chúng dân dứt bỏ tham ái. Chúng dân khắp nước lìa mười hạnh ác, lui tới đền đài cung kính lễ bái. Đạt thắng nghĩa

tánh, âu lo đều dứt. Lìa bỏ trói buộc, thấu đạt thanh tịnh. Được an trụ tịnh diệu tịch tĩnh thì mọi hình tướng tạo tác đối khát độc hại đều dừng. Hữu tình thế gian sinh khởi thù thắng. Tranh, nhiếp xa lìa, thắng nghĩa thuận hợp. Hữu tình như thế (thích hợp) diễn nói chánh pháp. Thân, tâm thanh tịnh.

Thế gian đảo điên sinh chướng, mạn, nhiễm, buộc, che cùng tận, (khiến cho tự tánh) vi diệu cùng mờ. Ngã mạn lớn ấy hợp với pháp nhiễm. Thấu đạt như vậy.

Thế nào là bản tánh tối thượng, đức hạnh cao tột, bậc trời trong các cõi trời, phước đức tự tại, rốt ráo như thế?

Dòng thác điên đảo tất cả đều dứt. Giới luật tịnh diệu, tận trừ tất cả nhiễm, tranh, ngã mạn tăng dấy. Cứu cánh tận cùng như bóng theo hình. Phước đức trang nghiêm, thọ mạng tăng trưởng. Hành động mẫu mực, dạy dỗ muôn loài. Tự tánh hiện bày viên mãn như vậy. Hành, giải tịnh diệu, thương xót chúng sinh. Đạo nghiệp thanh tịnh, tự tánh chân thực. Tịch tĩnh tận cùng, tâm (bao trùm) cả trời người.

Thế nào là không có “tăng thượng mạn” ràng buộc ở đây, chỉ có ái lạc tăng trưởng?

Bồ thí thanh tịnh, tướng nhân tịch tĩnh, tĩnh lặng lìa nhiễm. Bi nguyện rộng lớn, hạnh của mẹ hiền dạy dỗ con trẻ. Như vua giáo hóa muôn dân bình đẳng, (cả hạng) si độn đều giúp. Dân chúng đều theo chế độ của vua. Thắng hạnh Bồ-tát cùng tận, bao la. Không phiền não quấy, không giận dữ buộc. Dốc tu thiện diệu, lực dụng tự tại. Như lời vua dạy, tâm thực minh mông. Si độn, chấp ngã, nhiễm, chướng càng tăng. Đường nghiệp sinh khởi, oan đối không cùng. Tạo nhân vi diệu, tánh nhiễm tự dừng. Tu thiện viên mãn, chi phần sung, đủ. Bồ thí rộng khắp, đẩy lùi phiền não. Xa lìa nơi chốn (phiền não). Thập thiện hạnh ấy, muôn dân an ổn, bày biện cúng dường. Dứt tận ngã mạn, tranh tạp, lừa phiền. Góc các tánh tuệ, (là) nhân thắng (của) nghĩa lợi. Bồ-tát dẫn dạy diệu tuệ thanh tịnh, nghĩa lợi thù thắng, (như) mẹ hiền nuôi con, thương nhớ hết lòng. Hình tướng nghiệp dữ nảy nở theo ý. Luận bàn khế hợp, bình đẳng tăng lên. Xa lìa tai nạn. Là xứ bậc vua đứng hạnh Bồ-tát nuôi dạy muôn dân an nhiên tự tại.

Thế nào là thắng nghĩa phát sinh đạt được khẩu hòa?

Suy nghĩ hướng cầu phạm hạnh chư Thiên, dứt bỏ trói buộc. Tịch tĩnh tăng thêm, trí tuệ trọn đủ. Hành động tận cùng, (là) dốc lòng bồ thí. Bồ-tát tịch tĩnh dẫn dạy chúng sinh.

Thế nào là tai họa đích thực của cả tộc họ?

Gốc của phiền não khó thể xa lìa. Chấp ngã thêm dày, chỉ thêm tranh, nhiễm. Giáo hóa chúng sinh dứt bỏ tạo nghiệp (dữ). Bồ-tát khéo răn, vua cũng dứt ác. Viếng thăm Thánh tích, thiện diệu phát khởi, lìa bỏ giận hờn, ngôn ngữ tĩnh lặng, tăng giảm chẳng sinh. Cõi tuệ tận cùng, trừ nhân phiền não. Dạy dỗ, dưỡng nuôi khá dứt phần hận. Dứt trừ tội bậc (là) điều phục ngã mạn. Vua theo pháp lành, nạn phần đều dừng. Do chân thật sinh, tăng thêm pháp thiện. Góc tu bồ thí, nghĩa lợi như vậy. Phiền não cùng tận, nhân thắng tự tu, lìa quả báo ác. Tai nạn như lửa đốt cháy căn lành. Lực dụng tự tại, đảm đang hóa độ. Dân chúng sùng thiện, tà hạnh chẳng theo. Tự tánh xa lìa trói buộc, chấp ngã. Nhân của bồ thí, gốc gắn (với) vô ngã. Tận cùng sinh, hữu (chính là) thuận hòa rạn vỡ. Phiền não tự dừng. Hình tướng hòa hợp, gốc nghiệp dữ dứt. Góc tánh chẳng sàu, sáng tươi hiện rõ. Diệu tuệ viên mãn, tư duy khó kịp. Chúng sinh giác ngộ thắng nghĩa như vậy. Ba độc xa lìa, mong đạt gốc tĩnh. Cõi nước tịnh diệu tăng trưởng như thế. Dòng thác luân lưu dừng lặng, thuận hợp. Tướng trạng không thật, đức hạnh tăng trưởng, tịch tĩnh viên mãn, như lửa thiêu củi. Phiền não, si độn, khổ não tận cùng, dòng thác minh mông (đạt quả vị) vô học hằng dứt. Dứt niệm chấp ngã, thắng nghĩa Như như, thành tựu tăng trưởng. Nghĩa lợi trong lặng, nghiệp dữ vốn

không. Vô tướng thành tựu, chân thật không cầu. Chánh pháp khá trừ phiền não, hý luận. Thánh trí vô biên dứt hết trói buộc. Tự tại ung dung là gốc giải thoát. Nhân thắng hướng cầu, lia dứt cấu nhiễm. Phần, hận đối thay do ta tạo tác. Thanh tịnh làm gốc, nghiệp tu bất thoái. Lìa mọi vọng, nhiễm.

Thế nào là thắng nghĩa Như như, tịch mặc?

Chân thật tận cùng (là) dứt mọi sợ hãi. Vô ngã thắng nghĩa, lực dụng như trời. Lìa “tăng thượng mạn”, chân thật không bờ. (Chân thật ấy) vượt quá ngôn thuyết, thường trụ, hằng hữu. Mọi nẻo oan báo, Thánh quả dứt trừ. Là cõi quốc vương đức lớn, tốt lành, tạo nhân bố thí, muôn dân quy phục. Ân Thánh rưới khắp, lực dụng bao trùm. Sắc tướng tùy thuận, thiện tịnh chế ngự. Tâm tu bố thí, hành hạnh Thập thiện. Mẫu mực nghiêm túc, an trụ thêm tăng. Dân chúng, xóm làng, gồm đủ thiện diệu, lực dụng trọn đủ, lìa bỏ trói buộc. Thiện tĩnh (của) hữu tình (là) sinh nhân vô ngã. Bồ-tát giáo hóa, diễn nói chánh pháp. Các hạnh phiền, giận, xuôi theo đảo điên, đâu phải luận nghi của hàng chư Thiên. Thiếu pháp tịch tĩnh, chân lý lìa xa. Hoạt động không ngừng, tranh, nhiễm cùng dứt. Tự tại hiện bày, tai nạn không thêm. Đây là tịch tĩnh phương tiện tùy thuận. Ngôn ngữ thiện tịnh, “Bồ-tát-đà-cát”.

Tâm tu Như Lai, hạnh sạch phiền, giận.

Bồ-tát tu hạnh bố thí, nghĩa của Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa quảng diễn thứ hai mươi mốt.

Vọng tướng vốn không, hình tướng thanh tịnh, tên Bí Mật Tạng, đứng Đại trượng phu, hướng cầu nẻo thiện. Đó là tùy thuận lãnh hội ý nghĩa sâu xa của Bồ-tát.

Tích công đức lớn, trăm ngàn vạn loại. Nơi chốn rộng lớn, tận cùng như (cõi) không. Nước hiệu Vô ngã. Vua tên Tối Thắng. Công việc trị nước thảy đều vững vàng. Trí tuệ, phước đều viên mãn, an định. Nhớ tưởng tộc loại, giữ giới thanh tịnh. Bốn dân không bỏ, thù địch, hý luận, (do) Thánh lực đều dứt. Mình không tham dục, đói khát chưa từng. Thánh đức chí công, thanh tịnh thuận hợp. Giáo lệnh đều khắp, tự tại trọn đủ, chân thật không mất. Đức hạnh rạng rỡ, hiếm nạn chẳng nung. Ngọn nguồn (của bậc) hữu học, mong đạt Thánh quả. Chúng sinh si mạn, cản bước tiến tu. Theo nhân cứu cánh là nhân thế gian. Nhiễm, tranh hủy diệt, thể tánh vô tận. Trời, Rồng, Quỷ, Thần trở thành nhân buộc. Thắng nghĩa bất thoái, nhân chẳng tạo được. Nhân diệu thanh tịnh, pháp màu chân thật, tự tại thấu đạt, nhân phước thân tâm, nguồn ngọn cùng tận. Tịch tĩnh thuận hợp tiến thoái thân an. Bố thí thanh tịnh chân thật như thế. Phép giải thoát đúng, nghĩa lợi thuận hợp. Xa lìa thanh sắc, tịch tĩnh phát sinh. Khuyến dạy thanh tịnh lìa nghiệp đen tối. Đạt hạnh Như như, giống hoa sen trắng. Bụi nhơ sạch lìa (là) cõi rỗng tịnh diệu. Nhân tĩnh chẳng có, tâm địa buộc ràng. Lìa bỏ tâm nhiễm, rời hạnh thanh tịnh. Lửa phiền, đói khát, bức bách chúng sinh. Gốc rễ bị buộc, tịch tĩnh không còn. Cõi ý thành tựu, tự tánh sáng tỏ, tiến thoái an tĩnh. Phiền não đã sạch, nghiệp dữ cũng không. Điên đảo, kinh sợ, hạnh (vô) chế ngự. Hội nhập Thánh lực tĩnh trụ vô tận. Phiền não dứt hết (là) pháp giải thoát đúng. Hình tướng trói buộc vốn thực không có. Thắng nghĩa không mất (là) đức hạnh tự tại. Tận cùng thiện tịnh (là) ngã mạn chẳng sinh. Giáo hóa (chúng sinh) thấu đạt thậm thâm vi diệu. Tu tập, điều phục thanh tịnh chân thật. Uy lực quốc vương tên gọi Phạm Tĩnh. Tịch tĩnh vô ngã, ca ngợi bình đẳng. Rời nhân điên đảo, đạo hạnh tươi đẹp. Xứ sở tịnh diệu, chân thật hiện bày. Căn bản vi diệu, tu hành thuận hợp. Nghiệp nhân tăng trưởng, thấu đạt Thập thiện. Phước đức tăng lên, chính nhờ pháp thiện. Ngôn ngữ dạy khuyên (là) gốc rễ trí tuệ. Tu hạnh bố thí, lực dụng viên mãn. Nhân của biến hóa, (là) phước nghiệp đích thực. Phước, tuệ thù thắng (là) phước báo (của) thuận

thiện. (Phước báo) là cõi chẳng có hư hoại, (như) Thánh đức của vua, cõi bờ yên ổn, thầy không xáo trộn. An trụ thích hợp, vui sướng như (các cõi) trời. Thù thắng thấu đạt, tích phước làm nhân. Đạt hạnh phước báo (là) thân tâm tịnh diệu. Sắc tướng tùy thuận, lực dụng thành tựu. Nghe dạy chẳng sinh ngã mạn, si độn. Tranh nhiệm tự dứt, đạt đức tịch tĩnh. Tất cả chúng dân tu hạnh người, trời. Sùng nghiệp bố thí, rõ nghĩa tăng trưởng. Nghe dạy tu hành, nhân của phước lạc. Dứt bỏ đảo điên, xa lìa che buộc. Thắng lợi đạt quả (là) phước báo như (các) cõi trời. Chánh hạnh dốc tu, yên vui thấu đạt (là) an tĩnh, trong lặng. Ngọn nguồn pháp tánh (là) tịch tĩnh “vô sinh”. Hành, giải gồm đủ, theo thân ứng thiện. Vì diệu chân thật, lìa mọi trói buộc. Vọng tưởng không dấy, hóa độ muôn loài. An tĩnh khế hợp, dạy truyền thanh tịnh. Trí tuệ vô tướng chẳng thể nghĩ bàn. Mẫu mực bao trùm, ung dung tự tại. Hình tướng che chở, động tĩnh cậy nương. Tạo tác trọn đủ, mong đạt nghĩa lợi. Gốc từ nhân thắng, biến hóa tận cùng. Xa lìa mọi tướng, (đạt) tịch tĩnh Như như. Tam bảo an trụ vững bền, hằng hữu. Dòng thác phiền não Như Lai dứt tuyệt. Trong lặng như trăng hình dạng tròn đầy, thầy mọi chi phần (đều) an trụ tịnh diệu. Tự tại tạo nghiệp, nghiêm túc, mẫu mực. Nghiệp dữ bao đời, tâm tịnh tự diệt. Giống như hoa sen, tịnh diệu đáng quý. Nhân diệu phát sinh, an lành cùng tận. Phép tắc sáng tỏ, âu lo đều dứt. Tâm thiện không vướng vọng tưởng cấu nhiễm. Tự tại viên mãn, đức hạnh tối thắng. Tạo tác hiện bày, biến chuyển không cùng. Năng dứt tham dục, (đạt) vô tướng viên mãn. Thể tánh Như Lai an nhiên thường trụ. Tu tập tịch tĩnh, tự tánh sáng tỏ. Năng lìa bụi cấu, thiện tịnh hiện bày. Thiện chí không tĩnh, như trăng (đối với) kẻ mù. Thí tuy đem vui (nhưng) chưa đúng (là) giải thoát. Phiền não dứt hết, (mới là) tự tại chân thật. Tất cả vọng tưởng, nhiệm tranh đều diệt. Phiền não không quấy (là) an nhiên thắng nghĩa. Tạo tác nghĩa lợi (khiến cho) tự tánh vọng nhiễm. Hành, giải gồm đủ (đạt) thanh tịnh đích thực. Từ si độn, chướng, tạo tác hình ảnh về cõi bạo lực, phải nên lìa bỏ. Thí chủ như vua cứu giúp khắp chốn. Bồ thí bình đẳng như mây trùm khắp. Tu tập ung dung, thiện tĩnh hiện bày. Thế gian trọn nên đức hạnh bất thoái. Trong suốt, óng ánh là như băng tuyết. Thể bị nhiễm buộc, hành giải tu tịnh (để dứt). Theo hình bỏ nhân thật không thể có. Dốc tu thượng diệu, gốc từ Phật tánh (Phật tánh ấy) ví như trăng tròn, trong lặng, sáng tỏ. Phật lực năng dứt si độn, tranh, nhiễm. Thông tỏ thuận hợp (là) đạt cõi tận cùng. Xa lìa bụi nhơ, ý không kiêu mạn. Gốc từ tu hành, thuận theo biến chuyển. Nơi chốn thanh tịnh (do) nhân bao đời. Như nhân (của) cõi trời thầy đều chân thật. Theo chốn độc hại, biết rõ (là) không trí. Tạo nghiệp luân lưu từ gốc điên đảo. Tam bảo an trụ không thể nghiêng ngã. Tịch tĩnh trang nghiêm, an lạc tự tại. Điên đảo, nhiễm dứt (đạt) hình tướng bình đẳng. Tu tập dốc lòng, an ổn, tĩnh trụ. Dốc (tạo) nhân chuyển đổi, tự tại ắt đạt. Mười phương Như Lai, hằng dứt phiền não. Tâm tịnh làm gốc, nhân Thánh mới đạt. Năm uẩn thanh tịnh, thân tâm chân thật. Tự tánh thắng nghĩa trong lặng, vô niệm. Nhân lưu chuyển dứt, lực dụng thường tại. Nhân tạo (ra) kinh sợ, không chốn hiện lành. Là lúc cõi thể chân thật, thuận hợp. Cõi tánh thanh tịnh, an tĩnh vô biên. Niệm xứ, nhân duyên muôn thuở nên theo. Là chốn nhân ấy khế hợp, thanh tịnh. Hình tướng lưu chuyển, định tuệ (vẫn) sáng tỏ. Quả báo thiện diệu, hòa hợp viên mãn. Hình bóng hành xả, bình đẳng chân thật. Các mạn, phiền não, gốc rễ si độn; hủy, nhiễm tự tánh, (cần phải) tu nhân viên mãn. Lực dụng thắng nghĩa, tu tập thanh tịnh. Hành, giải gồm đủ (để) trừ diệt các nạn. Dứt nhân lưu chuyển, cõi thể thanh tịnh. Từ gốc thuận hợp, hành tướng an định. Dòng thác hiện hành, biến chuyển không ngừng. Nghiệp dữ rành rành, tự dung tiêu hết. Thể tánh Niết-bàn (luôn) trong lặng, yên tĩnh. Thập thiện hợp nhất thanh tịnh vô biên. Sắc cuốn vô tận (tạo) điên đảo triền miên. (Cũng ví như) ta (có thể) tạo rất nhiều nhà cửa, điền sản. An tĩnh giáo hóa thân tộc không giảm. Nơi chốn

vi diệu, khinh mạn chẳng còn. Nhận rõ trói buộc như thế (đề) xa lìa. Tu nhân thiện diệu, thuận hợp. Tận cùng thanh tịnh (là) khắp chốn tịch tĩnh. Tu học viên mãn (đạt) được hạnh thường hằng. Phương Nam có (cõi) trời không nhân buộc ngã. Dứt tránh thanh tịnh, dòng thác (cũng) lặn dừng. Phạm hạnh thắng nghĩa đích thực hiện bày. Sắc tướng tịnh diệu, đức hạnh vẹn toàn. Tự tánh an tĩnh, phước đức trùm khắp. Tu hạnh bố thí, bỏ ngã chẳng phân. Lìa bỏ cấu nhiễm, điên đảo, ngã kiến. Vậy là lo sợ, họa, tranh thầy dứt. Tịnh diệu (của hàng) chư Thiên thí dụ nào hết. Tự tánh như thị, các pháp phát sinh. Chẳng lìa nhân buộc, gốc (là) mười nẻo ác. Là chốn khao khát Bồ-tát thị hiện. Viên mãn thắng nghĩa (là) dứt mọi vọng, nhiễm.

Thế nào là đối với tai nạn, tịch tĩnh vẫn giữ?

Là cõi khuyến dạy dồi dào như thế. Hành nhiệm điên đảo (cõi) trời ấy dứt trừ. An trụ tịnh mặc, cõi ý thấu suốt. Mẫu mực đúng thực, dứt nhân hý luận. Gốc không biến động, sắc tướng thanh tịnh.

Thế nào là tu tập theo lời Phật dạy?

Cứu cánh Đại thừa (là đạt đến) an trụ, tĩnh lặng. Toàn cõi phiền não (là sự) trói buộc thể tánh. Bốn loại thắng nghĩa giải bày trên hết. Nhân diệu thanh tịnh, dứt điên đảo, nhiễm. Chúng sinh cõi người lại nên xa lìa. Biến chuyển tốt bậc (là) quy kính Tam bảo. Rõ nghĩa cứu cánh mười phương Như Lai. Tịch mặc thành tựu, lực dụng vô biên. Tự tại vô cùng, chư Thiên hồi hướng. Thanh tịnh chân thật (là) nghĩa lợi Thánh nhân. Bản tánh như thị, an tĩnh, vi diệu. Nơi chốn giáo hóa mẫu mực như thế. Diệu dụng Như Lai hằng đoạn phiền não. Cõi nguồn tâm tử là phẩm tối thượng. Tịch tịch thắng nghĩa (là) nghĩa “Như Lai tánh”, là cõi Bồ-tát thanh tịnh trong lành. Giới mốc hý luận không nhân (cũng) tự dứt. (Nếu còn tạo nhân thì dù) giảm thiểu phần nghĩa, mong chẳng thể đạt. Nhân gây bệnh nạn, gốc (từ) mười đường nghiệp. Mọi người khắp chốn bố thí hạng kia (bệnh nạn). Ngã mạn lại dấy lần lượt dựa theo. Đói kém thậm tệ, mẫu mực nào còn! (Nhờ tu tập theo lời Phật dạy) Trong lặng viên mãn như trăng trời thu. Cầu tướng thân tâm thấu lý vô ngã. Tịch diệt hiện rõ (là) lực dụng tận cùng. Chúng nhân không (tạo) nhân, tộc họ tịch tĩnh. Tạo tác ở tâm, biến khắp muôn nẻo. (Nhờ đó mà) năng lực chưa bày, kiêu mạn (cũng) giảm bớt. Xa lìa (phiền não) tức khắc đạt chốn tự tại. Khiêm cung không mạn, chẳng sợ lưu chuyển. Hành, giải chân thật, mong được lâu bền. Là chốn thấu đạt hòa hợp, tăng trưởng. Hỷ, thọ chuyển biến, lìa điên đảo, nhiễm. Nơi chốn hành thí, thuận theo chánh pháp. Trí tuệ phát sinh lìa bỏ nẻo dữ. Là cõi trượng phu rộng nghe khế hợp. Cõi ý hiện rõ, nhân thắng mở rộng. Đức hạnh hiển hiện, giáo hóa (bằng) sắc tướng. Thấu đạt nhân thắng, chư Thiên tùy thuận. Theo nhân cứu cánh, dốc tu như vậy. Thân tu bố thí, vật dụng viên mãn. nghiệp dữ rành rành, chuyển biến, dừng dứt. Ngọn nguồn thiện diệu, theo nhân thế nào? Tịch tĩnh chân thật, hành hóa ngàn lối. Chư Thiên thanh tịnh, trói buộc xa lìa. Là nơi có vua tạo nghiệp mẫu mực. Dứt bỏ hý luận tự tại trọn nên. Tham dục tốt mức (là) nghĩa lợi, tài sản. Nơi chốn thanh tịnh, thấu đạt chân thật. Cửa thiền tịnh diệu (là) bình đẳng tương hợp. Nghiệp tu dốc sức, hình tướng tăng lên. Là cõi trang nghiêm thi ân thù thắng, trong lành, tĩnh lặng. Âm áp tươi đẹp, tịnh diệu đáng yêu. Cõi ý sáng suốt, ngọn nguồn thanh tịnh, rõ nghĩa bao la. Ở đây không còn khái niệm giới mốc.

Hành động như vậy, xa lìa phóng dật. Thân tâm thuận hợp, theo hạnh Bồ-tát, gốc rễ tịch tĩnh (mới đạt) thượng diệu chân thật. Tánh giác viên mãn, xưa nay như vậy. Thanh tịnh, lìa sợ, sở học mong đạt. Là chốn mong cầu theo nhân thù thắng. Bố thí, dẫn dắt, hóa độ quyền thuộc. Chỉ rõ thanh tịnh, dạy nghiệp dốc tu. Căn bản Thập thiện phát sinh là vậy.

Tiêu trừ đói khát, cầu tánh Như Lai. Tu nhân tịnh diệu, sự nghiệp (lớn) viên thành.

Lực dụng thiện tịnh, hạnh đạt trùm khắp. Tự thể tư duy, gốc mọi biến chuyển. Xứ lia hý luận, đói khát cũng dứt. Thấu rõ buộc che, an nhiên chẳng động. Là cõi Bồ-tát tinh tấn chỉ dạy. Vì diệu thâm thâm, hành giả tự đạt, Nhân thắng thanh tịnh trong lặng, chân thật. Theo lời Phật dạy, khéo trừ đói khát. Tận cùng tự tại (là) ngọn nguồn vi diệu. Các hạnh xan tham, chúng sinh nên lia. Bốn loại thắng nghĩa, gồm đủ an lạc. Vọng nhiễm không bày, các mạn cũng lắng. Hiểu rõ ân nghĩa tốt bậc (của) mẹ hiền. (Cũng như vậy) chúng sinh (phải) sớm biết cõi rể điên đảo. Si độn, ngã mạn, hý luận đều không. Hành, giải gồm đủ. Pháp của vương giả chúng sinh hiểu rõ. Thù thắng bố thí (là) bình đẳng (như) cõi Không. Bồ-tát trao dạy vâng theo tu tập. Tùy thuận bất thoái, mười lực Phật-đà. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mẫu mực nghiêm túc. Đó là Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. Nghĩa lợi chúng sinh tịch tĩnh là thể. Trí tuệ tự tánh (bậc) hữu học tu đạt. Phương tiện giáo hóa phiền não, nghiệp dữ. Hình tướng (của nghiệp dữ, phiền não) mong dứt, rõ nghĩa chuyển đổi. Nhận rõ đúng thực (các thứ) tham dục, lỗi lầm. Như Lai giảng dạy diệt trừ đau khổ.

Thế nào là ý nghĩa an lành như vàng trắng tròn?

Các thứ tai nạn gốc do tâm khởi. Nhân vốn chẳng động, phát sinh giới mốc. Các pháp chấp ngã, gốc là cấu nhiễm. Cõi ý bị buộc, tạo nghiệp không cùng. Bồ-đề Tát-đòa nương theo lời dạy. Các pháp chẳng mất, khéo hợp từ gốc. Bạn bè tìm cầu, nên theo trí tuệ. Thuận theo chánh pháp, nhân thắng tăng trưởng. Tâm tu bố thí, cứu độ muôn loài. Tu Thập thiện nghiệp, sinh kế chuyển đổi. Thuận theo Như Lai, tự tại, vi diệu. Tận cùng thượng diệu (là) xả thân tu thí. Giáo hóa chúng sinh, dứt mọi kiêu mạn. Trí tuệ viên mãn, vọng nhiễm xa lia. Đức hạnh hiển hiện, tỏ ngộ chân thật. Thắng nghĩa tịch tĩnh, dứt mọi điên đảo. Rốt ráo tận cùng (là) rõ cõi vô ngã. Hạnh hóa độ ấy tĩnh trụ, thuận hợp. Vững tu tận cùng (là) lực dụng theo thiện. Thượng diệu tô điểm (là) tốt bậc kỳ công. Trí tuệ tự tánh rốt ráo là thể. Theo nhân Thập thiện, tùy thuận tu tập. Phương tiện phát khởi, hồi hướng thanh tịnh. Cõi ý dứt mạn, cứu cánh chân thật. (Ví như) là chôn bệnh hoạn tận cùng. Không giảm, tự lo chữa trị. Lúc ấy khắp xứ dứt hết đói khát, sợ hãi. Nói năng thuận hợp, nhận thức rộng tầm. Thức thứ sáu ấy (ý thức) thanh tịnh, bất thoái. Tham dục, chấp ngã, cầu chẳng thể được (ý thức thanh tịnh). Chúng sinh lại tự (mình) nhận rõ tai hoạn. Dòng thác phiền não thời thuận (lại) hiện bày. Thấu hiểu như vậy (đề) tùy thuận (hoặc) xa lia. Bố thí thấu đạt, năng lia đói khát. Lực dụng tự tánh (là) trí tuệ thông tỏ. Ngôn ngữ phát sinh tùy theo tự thể. Diệu dụng tịch tĩnh, nghĩa như trăng tròn. Bố thí căn bản, nghĩa (là) dứt nhiễm tranh. Trong lặng thanh tịnh, nghĩa (là) không phiền não. Diệu hợp Thánh nhân (là) thắng nghĩa Như như. Thanh tịnh bao la (là) tự tánh rốt ráo. Đức hạnh tự tại, sức nhân là chính. (Ví như) là xứ ngu muội, trí tuệ biếng tu. Yếu kém từ gốc, lo sợ thập bội. Lại còn cho rằng: chúng sinh sinh hóa, nhân tịnh liền gặp, lia bỏ đói khát. Nhận rõ bình đẳng, tùy thuận mong đạt. Thắng nghĩa an lành lại nên tu tập. Theo lời Phật dạy khéo trừ đói khát. Lời vua dẫn dạy nơi chốn an lạc. An nhiên chẳng động (nhờ) tạo nhân chân thật. Nơi chốn nghĩa lợi, đều dứt. Thánh hiền dứt mạn, thông tỏ chân thật. Hành, giải gồm đủ, tự tại hiển hiện. Xe pháp tối thượng (là) thanh tịnh mẫu mực. Thông tỏ chánh pháp, xa lia vọng tưởng. Hành, giải đầy đủ, dạy bảo thanh tịnh, dứt trừ khổ não, rõ mười lực (của) Phật. Cõi thể chúng sinh, đảo điên trói buộc. Bố thí gắng tu, an trụ rốt ráo. Giáo pháp thanh tịnh lãnh hội đầy đủ. Khổ não không còn, chỉ toàn thanh tịnh. Nhận rõ gốc thí, riêng chôn vững tu. Đo lường thiện ác dựa vào nghiệp nhân. Bình đẳng làm nền, tu tập tịnh diệu. Nhân đạt tận cùng (là) thấu lẽ vô tướng. Chi phần bố thí mà không thể hoại. Giới mốc bao đời (là) thanh tịnh,

ung dung. Trong lặng thẳng nghĩa (là) ngọn nguồn thông tỏ. Tu hạnh điều phục, đạt tướng chuyển đổi. Đích thực vô ngã, cõi quý cũng biến đổi. Mong lia kinh sợ, xứ của mẹ hiền. Giảng dạy tu nhân, thanh tịnh thuận hợp. Là bỏ nghiệp dữ nghĩa (là) không hủy hoại. Chế ngự các mạn, dẫn dắt ba cõi. Là chốn tự tại, gồm đủ xả, thí. Dòng thác phiền não, điên đảo vắng bật. Tự tánh thông tỏ gốc mọi tai họa. Mong dứt tránh, nhiễm, lia đường tham ái. Hình tướng tịch tĩnh, gốc của hòa hợp. Tạo tác “vô tướng”, Thánh hiền bình đẳng. Lành thay! Lành thay! Phước đức mệnh mông; thấu tỏ (lời) khuyên dạy, đói khát xa lia. Chánh pháp vô thượng, tùy thuận gồm đủ. Chư Thiên thiện tịnh, trong lặng an lạc. Giáo hóa chúng sinh theo đường Thập thiện. Sửa trị như vua, kiêu mạn không dấy. Không nhân phiền não, yêu tin, giữ gìn. Chẳng lúc nào rời (công việc) dưỡng, trị, an định.

Thế nào là chúng sinh (đạt được) tịch tĩnh, tại nơi chốn ấy bỏ thí thù thắng, chân thật?

Tịch tĩnh vô ngã (như) vua khéo (tạo sự) bình đẳng. Đói khát không còn, kiêu mạn chẳng dấy. Là cõi sung mãn, thù thắng, giải thoát. Vương tạo nhân chính, muôn việc tốt lành. Hành, giải đầy đủ, ngợi khen theo thiện. Cứu giúp muôn loài, nhân diệu thể hiện. Tu hạnh nguyện lớn, trừ bỏ vọng tưởng, trí tuệ chân thật như thể cùng sinh. Bỏ thí ngàn loài, (bậc) Hiền thiện trên hết. Sức mẹ hiền ấy phát triển muôn đời. Chân ngã không bị quả báo chi phối.

Dòng thác phiền não, Phật-đà hằng dứt.

Chứng đắc Thập địa, rõ tánh Như Lai. Xa lia nẻo dữ, tịch tĩnh vô biên. (Như) Vua theo nhân thẳng, khắp chốn thuận theo. Gốc không hý luận (mới) chân thật bỏ thí. Hành, giải gồm đủ, là chốn tự tại. Trong lặng, an nhiên chính là giải thoát. Lực dụng tu thí, thích ứng từ gốc. Chúng sinh không (tạo) nhân (bỏ thí), cơm áo đầu dư. Dốc tu bỏ thí, phương tiện đủ đầy. (Bậc) vô học dứt bỏ (mọi) ngã mạn, si độn. Trói buộc xa lia (đạt được) thanh tịnh thuận hợp. Như cõi quốc vương trí tuệ viên mãn. Theo nhân cứu cánh, Tam bảo an trụ. Tăng thêm cúng dường, sắc diệu (càng) rực rỡ. Tự tại gồm đủ, ngôn ngữ hiện bày. Từ chốn thanh tịnh, cõi pháp hòa hợp. Mười lực Như Lai, làm sao đạt được? Tạo tác chân thật, khéo hợp Như như. Thấu lời Phật dạy, bỏ thí gồm đủ. Nhân gốc tịnh diệu, điên đảo lặng dừng. Khéo tu điều phục, hành theo mẫu mực. Là chốn đa văn, tịch tĩnh, (các) chi phần (đều) trọn đủ. Dốc tu thượng diệu, mong đạt bình đẳng. Chế ngự kiêu phóng, trừ diệt phiền não, nhân tạo (ra) bệnh nạn. Chấp ngã, nhiễm cấu không nhân (nên chẳng) hiện hành. (Như vị) Quốc vương thấu rõ bao lớp lỗi lầm. Tự theo phép tắc dứt bỏ (mọi) tai nạn.

